

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 10-25cm và cao hơn TBNN từ 30-50cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước xuống chậm. Mức nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 15cm và cao hơn TBNN từ 50-65cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch ít biến đổi. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 24/03 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 05-10cm và cao hơn TBNN phổ biến từ 05-15cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước lên chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức thấp.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước xuống chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Vùng cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé lên chậm theo triều tới ngày 25/03. Đỉnh triều ở mức dưới BĐI.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

26/03/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin



Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 24/03		So với 23/03		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									25/03	26/03	27/03	28/03	29/03
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	144	-4	▼	22	▲	44	▲	138	131	123	127	132
					Hmin	-8	-5	▼	9	▲	-5	▼	-16	-18	-20	-23	-26
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	152	-3	▼	15	▲	54	▲	146	139	131	135	140
					Hmin	-23	-4	▼	1	▲	5	▲	-31	-33	-35	-38	-41
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	128	0	◀▶	1	▲	30	▲	122	115	107	111	116
					Hmin	48	-5	▼	23	▲	21	▲	40	38	36	33	30
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	158	-3	▼	12	▲	51	▲	152	145	137	141	146
					Hmin	-12	-4	▼	-2	▼	-4	▼	-20	-22	-24	-27	-30
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	170	-4	▼	16	▲	64	▲	164	157	149	153	158
					Hmin	-19	-4	▼	1	▲	19	▲	-27	-29	-31	-34	-37
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	155	-4	▼	15	▲	50	▲	149	142	134	138	143
					Hmin	-19	-4	▼	2	▲	1	▲	-27	-29	-31	-34	-37
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	43	-1	▼	-10	▼	10	▲	42	39	36	35	35
					Hmin	17	-1	▼	-2	▼	9	▲	14	13	12	9	6
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	31	-2	▼	-9	▼	5	▲	31	32	33	31	29
					Hmin	25	0	◀▶	-2	▼	3	▲	26	27	25	23	21
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	37	0	◀▶	-10	▼	-2	▼	37	38	39	37	35
					Hmin	30	0	◀▶	-7	▼	-3	▼	31	32	30	28	26
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	38	0	◀▶	-10	▼	4	▲	38	39	40	38	36
					Hmin	33	0	◀▶	-6	▼	4	▲	34	35	33	31	29
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	46	0	◀▶	-8	▼	3	▲	46	47	48	46	44
					Hmin	40	0	◀▶	-5	▼	3	▲	41	42	40	38	36
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	51	0	◀▶	-11	▼	17	▲	50	47	44	43	43
					Hmin	23	-2	▼	0	◀▶	11	▲	20	19	18	15	12
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	62	-1	▼	-10	▼	29	▲	63	64	62	60	58
					Hmin	46	-3	▼	-1	▼	23	▲	44	42	40	38	36
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	49	-1	▼	-14	▼	7	▲	51	53	51	49	47
					Hmin	38	-5	▼	-9	▼	6	▲	36	34	32	30	28
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	33	-1	▼	-6	▼	13	▲	35	37	35	33	31
					Hmin	25	0	◀▶	1	▲	11	▲	23	21	19	17	15
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	80	0	◀▶	-7	▼	31	▲	82	84	82	80	78
					Hmin	62	-2	▼	2	▲	28	▲	60	58	56	54	52
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	109	0	◀▶	-6	▼	40	▲	111	113	111	109	107
					Hmin	60	-2	▼	7	▲	24	▲	58	56	54	52	50
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	76	1	▲	-8	▼	19	▲	78	80	78	76	74
					Hmin	50	-3	▼	1	▲	14	▲	48	46	44	42	40

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	60	0	↗	-11	▼	10	▲	62	64	62	60	58
					Hmin	44	-3	▼	-4	▼	9	▲	42	40	38	36	34
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	44	-1	▼	-9	▼	12	▲	46	47	45	43	41
					Hmin	32	-3	▼	-5	▼	19	▲	30	28	26	24	22
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	25	0	↗	-12	▼	-5	▼	30	28	26	23	20
					Hmin	-14	-14	▼	-35	▼	6	▲	-19	-16	-13	-10	-7
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	71	10	▲	17	▲	34	▲	72	67	62	57	52
					Hmin	-37	-1	▼	-16	▼	-4	▼	-41	-37	-33	-29	-25

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ↗ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





